

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. Minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,476,245,487,887	861,706,280,672
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	97,061,149,207	24,160,032,735
1. Tiền	111		24,941,149,207	19,550,032,735
2. Các khoản tương đương tiền	112		72,120,000,000	4,610,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	850,725,000	646,550,997
1. Đầu tư ngắn hạn	121		988,103,451	988,103,451
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(137,378,451)	(341,552,454)
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	972,915,493,059	457,079,580,505
1. Phải thu khách hàng	131		947,950,108,374	392,003,266,152
2. Trả trước cho người bán	132		4,621,522,858	9,737,327,470
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		27,779,691,753	62,565,659,228
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7,435,829,926)	(7,226,672,345)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.4)	369,610,018,639	364,663,930,043
1. Hàng tồn kho	141		371,136,880,536	365,600,346,469
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1,526,861,897)	(936,416,426)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35,808,101,983	15,156,186,392
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15,681,817	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		28,651,865,104	1,930,941,034
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	7,140,555,062	13,225,245,358

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. Minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		530,725,903,107	533,788,509,006
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		220,650,261,577	224,517,818,161
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.6)	40,792,706,999	44,939,059,609
+ Nguyên giá	222		88,996,319,036	89,696,977,192
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48,203,612,037)	(44,757,917,583)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5.7)	59,170,684,963	59,890,619,372
+ Nguyên giá	228		62,961,546,808	62,961,546,808
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,790,861,845)	(3,070,927,436)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.8)	120,686,869,615	119,688,139,180
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.9)	309,643,638,153	309,270,690,845
1. Đầu tư vào công ty con	251		309,194,000,000	309,194,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		712,425,103	339,477,795
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(262,786,950)	(262,786,950)
V. Tài sản dài hạn khác	260		432,003,377	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		432,003,377	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,006,971,390,994	1,395,494,789,678

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,285,855,987,152	673,846,443,721
I. Nợ ngắn hạn	310		1,285,699,987,152	671,599,173,721
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.10)	403,820,927,653	514,559,920,054
2. Phải trả người bán	312	(5.11)	769,008,498,448	65,773,762,251
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.11)	34,494,502,865	4,309,981,893
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.12)	60,026,536,456	69,058,992,764
5. Phải trả người lao động	315	(5.13)	172,991,548	226,075,041
6. Chi phí phải trả	316	(5.14)	968,079,022	2,838,701,923
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.15)	11,883,233,176	9,538,750,841
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	(5.16)	5,325,217,984	5,292,988,954
II. Nợ dài hạn	330		156,000,000	2,247,270,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.17)	156,000,000	2,247,270,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(5.18)	721,115,403,842	721,648,345,957
I. Vốn chủ sở hữu	410		721,115,403,842	721,648,345,957
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		501,360,900,000	501,360,900,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160,852,283,540	160,852,283,540
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(58,638,685,584)	(58,638,685,584)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		26,017,792,309	25,358,534,309
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2,479,121,366	2,632,796,366
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		89,043,992,211	90,082,517,326
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,006,971,390,994	1,395,494,789,678

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1,812,487,702	1,812,487,702
5. Ngoại tệ			
+ USD		1,139,060.58	4,101.92
+ EUR		100.84	100.84
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 13 tháng 8 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

VŨ THỊ VUI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		879,943,614,270	692,872,175,645	1,301,475,229,497	1,103,692,053,700
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		29,603,840	179,403,090	29,603,840	487,557,822
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	879,914,010,430	692,692,772,555	1,301,445,625,657	1,103,204,495,878
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	868,504,608,778	649,637,928,849	1,283,292,791,892	1,042,988,034,826
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	(6.3)	11,409,401,652	43,054,843,706	18,152,833,765	60,216,461,052
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.4)	10,209,791,435	411,508,738	19,482,046,442	2,044,056,958
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	12,457,868,187	25,517,813,148	20,788,112,803	43,254,072,631
8. Chi phí bán hàng	23	(6.4)	8,317,805,865	24,597,402,542	16,192,867,799	45,200,329,029
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(6.5)	2,742,899,669	2,897,052,278	3,869,863,044	5,260,889,220
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	25	(6.6)	3,537,674,596	5,919,518,257	9,858,236,147	11,882,992,215
11. Thu nhập khác	30	(6.7)	2,880,750,635	9,131,968,761	3,118,668,213	1,862,563,944
12. Chi phí khác	31	(6.7)	55,366,522,955	1,576,306,230	55,397,012,210	2,311,496,556
13. Lợi nhuận khác	32	(6.8)	57,804,748,464	805,635,043	57,805,544,608	3,048,408,443
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40		(2,438,225,509)	770,671,187	(2,408,532,398)	(736,911,887)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	50		442,525,126	9,902,639,948	710,135,815	1,125,652,057
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	51	(6.9)	418,119,391	1,244,617,191	470,559,414	143,042,708
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52		-	8,658,022,757	239,576,401	982,609,349
	60		24,405,735	8,658,022,757	239,576,401	982,609,349

Bình Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2013



NGƯỜI LẬP BIỂU

VŨ THỊ VUI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính.

NGUYỄN THANH NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CÔNG TY MẸ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		710,135,815	1,125,652,057
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		5,288,231,642	5,489,985,925
Các khoản dự phòng	03		595,429,049	(16,690,639,522)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		3,282,844,612	(803,627,488)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(860,008,245)	(1,438,178,543)
Chi phí lãi vay	06		16,192,867,799	45,200,329,029
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		25,209,500,672	32,883,521,458
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(543,481,008,200)	(301,701,065,823)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5,536,534,067)	373,663,193,435
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		724,339,787,691	83,500,946,076
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)				
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(15,681,817)	144,028,438
Tiền lãi vay đã trả	13		(17,932,082,745)	(43,391,191,926)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		218,974,413,479	231,715,607,127
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(212,896,754,059)	(253,543,758,967)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		188,661,640,954	123,271,279,818
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,852,678,435)	(5,178,631,831)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	2,070,443,183
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(372,947,308)	(120,688,359,251)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		860,008,245	1,099,032,624
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,365,617,498)	(120,697,515,275)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CÔNG TY MẸ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		497,936,286,785	778,707,578,673
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(612,344,447,098)	(756,141,265,557)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(46,921,602,100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(114,408,160,313)	(24,355,288,984)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		72,887,863,143	(21,781,524,441)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		24,160,032,735	22,814,483,712
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		13,253,329	(612,754)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		97,061,149,207	1,032,346,517

Bình Dương, ngày 13 tháng 8 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

VŨ THỊ VUI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN



NGUYỄN THANH NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là Công ty) (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 15 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 501.360.900.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 gồm:

- Chi nhánh tại 507 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 69 Trần Hưng Đạo, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo B, Phường 5, Thị xã Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 14/20 Quốc Lộ 1A, ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại 105/49A ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất chính: Sản xuất thép cán nóng P/O, thép cán nguội, thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gồ thép. Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ.
- Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu.
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng.
- Sản xuất tấm lợp các loại.
- Mua bán sắt thép các loại.
- Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Mua bán nông sản.
- Mua bán vỏ, ruột xe.
- Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
- Xây dựng nhà các loại.
- Thi công hệ thống điện công trình.
- Thi công hệ thống nước công trình.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Đúc sắt, thép.
- Sản xuất thép xây dựng, thép hình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Chế biến nông sản.
- Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.
- Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi.

1.4. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 51 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 68 nhân viên).

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	14 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản cố định vô hình – Phần mềm máy tính	08 năm
+ Tài sản cố định vô hình – Quyền sử dụng đất có thời hạn	39 – 48 năm

4.7. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay: Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu có thực nhận (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bồi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung của cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	<u>Mục đích</u>	<u>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính hợp nhất</u>
+ Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

4.12. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế:

Đối với hoạt động thương mại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 06 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2011).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Đối với hoạt động sản xuất, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2013).

▪ Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.13. Công cụ tài chính

▪ Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

▪ Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	712.258.321	558.606.506
Tiền gửi ngân hàng	24.223.976.618	18.991.426.229
Tiền đang chuyển	4.914.268	-
Các khoản tương đương tiền	72.120.000.000	4.610.000.000
Tổng cộng	97.061.149.207	24.160.032.735

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.***5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	988.103.451	988.103.451
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(137.378.451)	(341.552.454)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	850.725.000	646.550.997

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Đông Hải Bến Tre	113.430	988.103.451	113.430	988.103.451

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	947.950.108.374	392.003.266.152
Trả trước cho người bán	4.621.522.858	9.737.327.470
Các khoản phải thu khác	27.779.691.753	62.565.659.228
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	980.351.322.985	464.306.252.850
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.435.829.926)	(7.226.672.345)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	972.915.493.059	457.079.580.505

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó khoản phải thu từ các bên liên quan là 891.460.181.647 đồng – Xem thêm mục 8.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan chi hộ, cho mượn – Xem thêm mục 8.	16.456.476.643	58.950.399.952
Tiền cho công nhân viên vay	622.744.750	622.744.750
Thuế Giá trị gia tăng chờ khấu trừ	8.402.269.007	1.353.346.196
Thuế nhập khẩu chờ được hoàn	-	211.747.822
Phải thu khác	2.298.201.353	1.427.420.508
Cộng	27.779.691.753	62.565.659.228

Các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	(6.749.892)	-
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 02 năm	(281.796.295)	(68.503.731)
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 03 năm	(613.758.500)	(209.585.986)
Khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	(6.533.525.239)	(6.948.582.628)
Cộng	(7.435.829.926)	(7.226.672.345)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	127.922.416.585	99.829.398.220
Công cụ, dụng cụ	3.593.654.831	2.677.575.489
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	988.770.935	204.473.512
Thành phẩm	58.078.221.281	23.170.216.861
Hàng hóa	180.553.816.904	239.718.682.387
Cộng giá gốc hàng tồn kho	371.136.880.536	365.600.346.469
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.526.861.897)	(936.416.426)
Giá trị thuần có thể thực hiện	369.610.018.639	364.663.930.043

Hàng tồn kho với giá trị là 346.574.621.281 đồng và 10.022.537,19 Đô la Mỹ được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ vay – Xem thêm mục 5.10.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	121.280.420	121.280.420
Tạm ứng	1.423.024.640	705.647.950
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.596.250.002	12.398.316.988
Tổng cộng	7.140.555.062	13.225.245.358

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn là khoản ký quỹ dùng để mở LC thanh toán.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	ĐVT: ngàn đồng				
	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.931.484	46.969.747	24.421.106	1.374.640	89.696.978
Mua trong kỳ	-	853.948	-	-	853.948
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(655.039)	(83.871)	(815.696)	(1.554.606)
Số dư cuối kỳ	16.931.484	47.168.656	24.337.236	558.944	88.996.320
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.423.288	25.531.641	10.858.593	944.395	44.757.918
Khấu hao trong kỳ	595.877	2.430.049	1.469.514	72.857	4.568.297
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(423.023)	(71.971)	(627.609)	(1.122.603)
Số dư cuối kỳ	8.019.165	27.538.667	12.256.136	389.644	48.203.612
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	9.508.196	21.438.106	13.562.513	430.245	44.939.060
Tại ngày cuối kỳ	8.912.319	19.629.989	12.081.100	169.300	40.792.708

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 6.449.021.107 đồng – Xem thêm mục 5.10 và 5.17.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.215.288.711 đồng.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Số dư cuối kỳ	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.025.277.943	45.649.493	3.070.927.436
Khấu hao trong kỳ	714.228.222	5.706.187	719.934.409
Số dư cuối kỳ	3.739.506.165	51.355.680	3.790.861.845
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	59.844.969.865	45.649.507	59.890.619.372
Tại ngày cuối kỳ	59.130.741.643	39.943.320	59.170.684.963

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 9.272.453.368 đồng – Xem thêm mục 5.10 và mục 5.17.

Giá trị còn lại của tài sản đã dùng để thế chấp để bảo lãnh cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc là 46.282.571.237 đồng và tài sản trên đất với giá trị là 118.512.358.538 đồng – Xem thêm mục 5.8.

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công trình văn phòng, nhà xưởng	111.326.530.477	111.000.913.978
Máy móc, dây chuyền sản xuất	8.178.087.140	7.504.973.204
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.182.251.998	1.182.251.998
Tổng cộng	120.686.869.615	119.688.139.180

Giá trị xây dựng cơ bản dở dang công trình văn phòng nhà xưởng, máy móc thiết bị và công trình văn phòng là 118.512.358.538 đồng được dùng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc – Xem thêm mục 5.7.

5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	309.194.000.000	309.194.000.000
Đầu tư dài hạn khác	712.425.103	339.477.795
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	309.906.425.103	309.533.477.795
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(262.786.950)	(262.786.950)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	309.643.638.153	309.270.690.845

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Đầu tư vào công ty con được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
	Giá trị	Giá trị
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	300.000.000.000	300.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	9.194.000.000	9.194.000.000
Cộng	309.194.000.000	309.194.000.000

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

▪ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295237 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 12 năm 2012 vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV thép Đại Thiên Lộc là 482.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tổng số vốn Công ty đã đầu tư là 300.000.000.000 đồng, tương đương 62% vốn điều lệ.

▪ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295519 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV tôn Đại Thiên Lộc là 15.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tổng số vốn Công ty đã đầu tư là 9.194.000.000 đồng, tương đương 61,29% vốn điều lệ.

Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng DTL với tỷ lệ vốn góp theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh là 15%.

5.10. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	398.947.099.903	509.692.900.804
Vay đối tượng khác	984.733.250	984.733.250
Vay dài hạn đến hạn trả	3.889.094.500	3.882.286.000
Tổng cộng	403.820.927.653	514.559.920.054

Các khoản vay ngân hàng dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu, chịu lãi suất từ 4,55%/năm đến 6,8%/năm đối với USD và từ 7,9%/năm đến 14%/năm đối với VND và được đảm bảo bằng:

▪ Hàng tồn kho với giá trị là 346.574.621.281 đồng và 10.022.537,19 Đô la Mỹ – Xem thêm mục 5.4.

▪ Tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 3.958.721.921 đồng – Xem thêm mục 5.6.

▪ Tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 1.964.672.413 đồng – Xem thêm mục 5.7.

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân và các công ty khác dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất từ 1,65%/tháng đối với VND.

Vay và nợ dài hạn đến hạn trả: Xem thêm mục 5.17.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	769.008.498.448	65.773.762.251
Người mua trả tiền trước	34.494.502.865	4.309.981.893
Tổng cộng	803.503.001.313	70.083.744.144

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó khoản phải trả từ các bên liên quan 516.351.002.353 đồng – Xem thêm mục 8.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.***5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	31.693.585.421	44.183.021.892
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	6.511.563.244	1.353.346.196
Thuế xuất, nhập khẩu	3.606.956.157	5.809.731.375
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.740.937.121	16.280.377.707
Thuế thu nhập cá nhân	1.473.494.513	1.432.515.594
Tổng cộng	60.026.536.456	69.058.992.764

5.13. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 6 năm 2013 còn phải trả.

5.14. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí lãi vay	864.348.977	2.603.563.923
Chi phí khác	103.730.045	235.138.000
Tổng cộng	968.079.022	2.838.701.923

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	-	106.679.760
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	89.323.973	150.177.534
Cổ tức phải trả	152.737.500	152.737.500
Thu hộ tiền hàng – Xem thêm mục 8.	2.148.583.208	2.148.583.208
Tiền mượn – Xem thêm mục 8.	6.521.225.981	3.928.227.656
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.971.362.514	3.052.345.183
Tổng cộng	11.883.233.176	9.538.750.841

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	5.292.988.954	4.765.387.201
Trích lập trong kỳ	395.554.000	4.871.559.173
Tặng khác	-	1.500.000
Sử dụng trong kỳ	(363.324.970)	(4.305.883.520)
Số dư cuối kỳ	5.325.217.984	5.332.562.854

5.17. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 48 tháng đến 60 tháng với lãi suất dao động theo lãi suất tiền gửi của ngân hàng cộng biên độ phù hợp do các ngân hàng quy định từng thời kỳ, số dư nợ gốc đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 4.045.094.500 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 3.889.094.500 đồng – Xem thêm mục 5.10.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng:

- Tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 2.490.299.186 đồng – Xem thêm mục 5.6.
- Tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 7.307.780.955 đồng – Xem thêm mục 5.7.

(Phần tiếp theo ở trang 20)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BAO CAO TẠI CHỖCho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.***5.18. Vốn chủ sở hữu****5.18.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	17.239.269.021	1.866.469.837	149.060.886.927	771.741.123.741
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	1.731.172.603	1.731.172.603
Trích lập quỹ	-	-	-	8.119.265.288	811.926.529	(13.802.750.990)	(4.871.559.173)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(46.908.230.000)	(46.908.230.000)
Chi quỹ	-	-	-	-	(45.600.000)	-	(45.600.000)
Tặng khác	-	-	-	-	-	1.438.786	1.438.786
Số dư đầu năm nay	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	25.358.534.309	2.632.796.366	90.082.517.326	721.648.345.957
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	199.576.401	199.576.401
Trích lập quỹ	-	-	-	659.258.000	65.925.000	(1.120.737.000)	(395.554.000)
Chi quỹ	-	-	-	-	(219.600.000)	-	(219.600.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(117.364.516)	(117.364.516)
Số dư cuối kỳ	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	26.017.792.309	2.479.121.366	89.043.992.211	721.115.403.842

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu Năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	203.271.570.000	40,54	187.697.270.000	37,44
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	71.817.750.000	14,33	71.817.750.000	14,32
Vốn góp của các đối tượng khác	226.271.580.000	45,13	241.845.880.000	48,24
Tổng cộng	501.360.900.000	100,00	501.360.900.000	100,00

5.18.3. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01-2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013. Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu cho năm tài chính 2012 với tỷ lệ 10% tương đương số tiền là 46.908.250.000 đồng. Tính đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2013, Công ty vẫn chưa phê duyệt phương án chia cổ tức, theo đó chưa thực hiện chia cổ tức cho cổ đông.

5.18.4. Cổ phần

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	50.136.090	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	50.136.090	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	3.227.840	3.227.840
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	46.908.250	46.908.250
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5.18.6. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	90.082.517.326	149.060.886.927
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	199.576.401	982.609.349
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(659.258.000)	(8.119.265.288)
Trích lập Quỹ khác từ vốn chủ sở hữu	(65.925.000)	(811.926.529)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(395.554.000)	(4.871.559.173)
Chia cổ tức	-	(46.908.230.000)
Tăng/(Giảm) khác	(117.364.516)	1.438.786
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	89.043.992.211	89.333.954.072

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa	1.234.419.194.338	629.941.151.255
Doanh thu bán thành phẩm	67.056.035.159	466.303.139.679
Doanh thu bán nguyên vật liệu	-	4.725.544.086
Doanh thu khác	-	2.722.218.680
Hàng bán bị trả lại	(29.603.840)	(487.557.822)
Doanh thu thuần	1.301.445.625.657	1.103.204.495.878

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.234.987.802.157	616.880.826.308
Giá vốn của thành phẩm đã bán	47.714.544.264	434.554.477.114
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	-	2.611.270.732
Giá vốn khác	-	2.702.181.323
Trích thêm/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	590.445.471	(13.760.720.651)
Tổng cộng	1.283.292.791.892	1.042.988.034.826

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	860.008.245	1.099.032.624
Lãi bán hàng trả chậm	18.233.516.243	-
Lãi đầu tư chứng khoán	-	82.686.129
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	388.521.954	57.879.693
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	803.627.488
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	831.024
Tổng cộng	19.482.046.442	2.044.056.958

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	16.192.867.799	45.200.329.029
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.516.574.395	1.577.415.805
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.282.844.612	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(204.174.003)	(3.523.672.203)
Tổng cộng	20.788.112.803	43.254.072.631

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	679.383.192	1.155.599.178
Chi phí vật liệu, bao bì	100.274.229	141.080.092
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.487.000	5.921.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.169.206	57.169.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.473.509	941.301.877
Chi phí khác	2.950.075.908	2.959.817.867
Tổng cộng	3.869.863.044	5.260.889.220

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	1.788.457.720	2.211.708.894
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	11.764.182	1.647.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.028.004.739	471.535.867
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.526.802.886	3.695.193.475
Chi phí khác	4.294.049.039	4.905.908.015
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	209.157.581	596.998.004
Tổng cộng	9.858.236.147	11.882.992.215

6.7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	2.070.443.183
Thu nhập nhượng bán nguyên vật liệu	55.389.671.185	-
Thu nhập khác	7.341.025	241.053.373
Tổng cộng	55.397.012.210	2.311.496.556

6.8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.731.297.263
Giá vốn nhượng bán nguyên vật liệu	55.041.984.708	-
Khấu hao tài sản cố định không hoạt động	2.763.414.104	1.301.168.121
Chi phí khác	145.796	15.943.059
Tổng cộng	57.805.544.608	3.048.408.443

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	710.135.815	1.125.652.057
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.719.283.152	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	2.429.418.967	1.125.652.057
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất (thuế suất 15%)	122.595.035	656.701.626
+ Thu nhập từ hoạt động thương mại (thuế suất 20%)	2.306.823.932	468.950.431
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	479.754.042	192.295.330
Trừ thuế TNDN được miễn giảm	(9.194.628)	(49.252.622)
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	470.559.414	143.042.708

6.10. Biến động kết quả kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Quý 2/2013	Quý 2/2012	Chênh lệch	So sánh
1	Doanh thu thuần	879.914.010.430	692.692.772.555	187.071.438.625	27,0%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	24.405.735	8.658.022.757	(8.633.317.022)	(99,7%)

Doanh thu thuần quý 2/2013 tăng nhẹ so với doanh thu quý 2/2012: 187.071.438.625 đ (tương ứng 27,0%), tuy nhiên lợi nhuận quý 2/2013 lợi giảm mạnh so với quý 2/2012: 8.633.317.022 (tương ứng 99,7% , nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng từ khó khăn chung của nền kinh tế, sức tiêu dùng giảm và chi phí đầu vào tăng mạnh.

6.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.234.987.802.157	616.880.826.308
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.224.080.872	42.763.145.403
Chi phí nhân công	2.956.174.977	4.381.041.710
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.450.332.764	4.103.968.599
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.909.124.495	5.341.443.129
Chi phí khác	8.303.913.370	8.473.039.644
Tổng cộng	1.296.831.428.635	681.943.464.793

7. Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận", trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì báo cáo bộ phận chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Thông tin về các bên có liên quan

▪ Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây Dựng Đại Thiên Lộc	Công ty đầu tư
4. Công ty TNHH Sản xuất thép Tâm Đức	Cổ đông lớn
5. Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Cổ đông lớn
6. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
7. Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thiên Lộc	Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu bán hàng – Xem thêm mục 5.3	891.460.181.647	371.485.697.871
Phải thu khác - Xem thêm mục 5.3	16.456.476.643	58.950.399.952
Phải trả bán hàng - Xem thêm mục 5.11	(516.351.002.353)	(6.653.607.012)
Phải trả thu hộ tiền hàng - Xem thêm mục 5.15	(2.148.583.208)	(2.148.583.208)
Phải trả tiền mượn - Xem thêm mục 5.15	(6.521.225.981)	(3.928.227.656)

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Bán hàng	1.053.881.042.562	736.214.125.153
Bán tài sản	-	2.070.443.183
Phí gia công	-	1.198.956.500
Mua hàng	773.157.697.480	99.184.989.147
Thu hộ	388.811.483	1.925.467.174
Chi hộ	13.182.639.932	-
Mượn tiền	6.239.775.098	1.183.501

Giá bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Trong năm Công ty có bán hàng trả chậm cho các bên liên quan với lãi suất 0,033% đến 0,041%/ngày.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng Quản trị	219.600.000	-
Thu nhập ban Tổng Giám đốc	533.394.900	581.850.900
Tổng cộng	752.994.900	581.850.900

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.061.149.207	24.160.032.735
Các khoản phải thu và phải thu khác	959.891.701.194	447.130.505.213
Đầu tư ngắn hạn khác	850.725.000	646.550.997
Đầu tư dài hạn khác	712.425.103	76.690.845
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.596.250.002	12.398.316.988
Tổng cộng	1.064.112.250.506	484.412.096.778
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	403.976.927.653	516.807.190.054
Phải trả người bán và phải trả khác	780.649.670.151	74.902.918.298
Chi phí phải trả	968.079.022	2.838.701.923
Tổng cộng	1.185.594.676.826	594.548.810.275

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2013	01/01/2013	30/6/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	20.842.072,57	2.583.804,43	3.516.359,23	886.813,61
Euro (EUR)	-	-	100,84	100,84

Quản lý rủi ro lãi suất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 8.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/6/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	780.649.670.151	-	780.649.670.151
Chi phí phải trả	968.079.022	-	968.079.022
Các khoản vay	403.820.927.653	156.000.000	403.976.927.653

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	74.902.918.298	-	74.902.918.298
Chi phí phải trả	2.838.701.923	-	2.838.701.923
Các khoản vay	514.559.920.054	2.247.270.000	516.807.190.054

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	959.891.701.194	-	959.891.701.194

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.596.250.002	-	5.596.250.002
Đầu tư ngắn hạn khác	850.725.000	-	850.725.000
Đầu tư dài hạn khác		712.425.103	712.425.103
31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	447.130.505.213	-	447.130.505.213
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.398.316.988	-	12.398.316.988
Đầu tư ngắn hạn khác	646.550.997	-	646.550.997
Đầu tư dài hạn khác	-	76.690.845	76.690.845

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. Các thông tin thuyết minh khác

Công ty đã chuyển các hoạt động sản xuất sang cho Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc từ tháng 4 năm 2012.

Do thay đổi lại cơ cấu, Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 7 tháng 11 năm 2012, Công ty quyết định giải thể 02 chi nhánh:

- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, 02 chi nhánh này vẫn đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể.

12. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 13 tháng 8 năm 2013.

Bình Dương, ngày 13 tháng 8 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VŨ THỊ VUI

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

NGUYỄN THANH NGHĨA